

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2020

V/v: “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Sĩ Thịnh;
2. Ông Cao Hoài Hiêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Minh T, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú hiện nay: Khu phố HL, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 43, nối liền tỉnh lộ 6, khu phố LD, phường TB, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, chị Nguyễn Minh T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Ngọc N qua một thời gian tìm hiểu thì tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AH (nay là phường AH) vào tháng 6 năm 2008. Sau khi kết hôn chị và anh N cùng nhau chung sống bên gia đình cha mẹ anh N được vài tháng cho đến khi chị mang thai thì về gia đình cha mẹ ruột chị sống cho đến nay. Chị và anh N sống hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị và anh N không hợp nhau. Hiện nay

chị và anh N không còn chung sống với nhau. Anh N đã bỏ đi không gặp chị từ năm 2016. Từ khi anh N bỏ đi, anh N không có về thăm con. Chị và anh N có 01 con chung tên Nguyễn Thái H, sinh ngày 02-7-2009. Hiện tại cháu H đang sống với chị. Chị và anh N có tạo lập được một số tài sản chung, nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay chị và anh N không còn thiếu nợ cũng như không ai thiếu nợ chị và anh N. Chị không có thiếu nợ riêng đối với ai. Còn anh N có thiếu riêng của ai hay không thì chị không biết. Nay chị nhận thấy đời sống hôn nhân với anh N không thể kéo dài mục đích hôn nhân không thể đạt được.

Chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc N. Khi Tòa án cho chị và anh N ly hôn, về con chung chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thái H, sinh ngày 02-7-2009, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị đang làm giáo viên thu nhập ổn định và đủ khả năng nuôi con. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án quyết. Về nợ chung không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Ngọc N trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của chị T là đúng về quan hệ hôn nhân, thời gian sống ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, anh cho rằng quá trình chung sống vợ chồng anh và chị T không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Nhưng vì điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên anh phải đi làm ăn ở xa từ năm 2009 và không có thời gian về thăm gia đình, từ đó anh và chị T không có gặp nhau và sống ly thân cho đến nay.

Nay chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh, nên anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Minh T. Khi ly hôn anh đồng ý để chị T được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thái H, sinh ngày 02-7-2009, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án quyết. Về nợ chung không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng.

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị Hội đồng xét xử quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Minh T đối với anh Nguyễn Ngọc N. Chị Nguyễn Minh T được ly hôn anh Nguyễn Ngọc N.

Về con chung: Giao chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thái H, sinh ngày 02-7-2009. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có tranh chấp, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Minh T phải chịu án phí sơ thẩm về hôn nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tổ tụng:

Chị Nguyễn Minh T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con đôi với anh Nguyễn Ngọc N. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Nguyễn Ngọc N vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Chị T và anh N qua một thời gian tìm hiểu thì tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AH (nay là phường AH) vào tháng 6 năm 2008. Sau khi kết hôn chị T và anh N cùng nhau chung sống bên gia đình cha mẹ anh N được vài tháng cho đến khi chị T mang thai thì về gia đình cha mẹ ruột chị T sống cho đến nay. Chị T và anh N sống hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị T và anh N không hợp nhau, và vì kinh tế gia đình khó khăn. Hiện nay chị T và anh N không còn chung sống với nhau. Anh N đã bỏ đi không gặp chị T từ năm 2016. Nay chị T nhận thấy đời sống hôn nhân với anh N không thể kéo dài mục đích hôn nhân không thể đạt được. Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc N.

Anh N thừa nhận lời trình bày của chị T là đúng quan hệ hôn nhân. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, anh N cho rằng quá trình chung sống vợ chồng anh N và chị T không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Nhưng vì điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên anh N phải đi làm ăn ở xa từ năm 2009 và không có thời gian về thăm gia đình, từ đó anh N và chị T không có gặp nhau và sống ly thân cho đến nay.

Thấy rằng thời gian chị T và anh N đã sống ly thân khá lâu, từ khi ly thân chị T và anh N không ai có thiện chí hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Minh T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc N là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống vợ chồng, chị T và anh N có một con chung tên Nguyễn Thái H, sinh ngày 02-7-2009, hiện nay cháu H đang sống với chị T, qua hỏi ý kiến của cháu H, cháu H có nguyện vọng được sống với chị

T. Anh N hiện đang đi làm ăn ở xa không thời gian chăm sóc cháu H. Chị T đang làm giáo viên thu nhập ổn định và đủ khả năng nuôi con. Do đó, để tạo điều kiện, đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý của cháu H, cần giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Minh T đối với anh Nguyễn Ngọc N. Chị Nguyễn Minh T được ly hôn anh Nguyễn Ngọc N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thái H, sinh ngày 02-7-2009 cho chị Nguyễn Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị T không yêu cầu, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, tranh chấp nuôi con. Nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị T đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017896 ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho chị Nguyễn Minh T biết được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Ngọc N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- UBND phường AH;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Tấn Đạt